TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 225/2022/DS - PT
Ngày: 09/9//2022
V/v "tranh chấp hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Hồng

Ông Phan Thanh Tòng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 185/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 về *"Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS – ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 209/2022/QĐ – PT ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị H, sinh năm 1985

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị H:* Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1993; (có mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre

- *Bị đơn:*

1. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1985; (có mặt)

2. Anh Ngô Văn Đ, sinh năm 1983; (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ngô Văn Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Do có quen biết nhau và biết vợ chồng chị K, anh Đ có tổ chức chơi hụi với nhau trong xã nên ngày 10/04/2020, chị H có tham gia chơi hụi do vợ chồng bị đơn chị K, anh Đ làm chủ hụi. Dây hụi này gồm 22 phần, hụi 2.000.000 đồng, mỗi phần đóng 1.600.000 đồng trên 1 tháng, tham gia chơi 01 phần hụi, dây hụi này kết thúc vào ngày 10/02/2022, đã đóng 15 tháng với số tiền tổng cộng là 24.000.000 đồng.

Ngày 10/09/2020, nguyên đơn có tham gia chơi một dây hụi khác do vợ chồng bị đơn chị K, anh Đ làm chủ hụi. Dây hụi này gồm 22 phần, hụi 2.000.000 đồng, mỗi phần đóng 1.600.000 đồng trên 1 tháng, tham gia chơi 01 phần hụi, dây hụi này kết thúc vào ngày 10/07/2022, đã đóng 10 tháng với số tiền tổng cộng là 16.000.000 đồng.

Đến cuối tháng 08/2021, phía bị đơn tuyên bố vỡ hụi và không trả lại tiền cho nguyên đơn phần tiền hụi nào.

Dù đã nhiều lần yêu cầu trả tiền nhưng vợ chồng bị đơn chị K, anh Đ chỉ hứa hẹn mà không trả. Khi chơi hụi, có lập sổ hụi do chị K viết tay nhưng không có ký tên, anh Đ có biết về việc chơi hụi này và có thay chị K nhận tiền hụi của nguyên đơn.

Chị H khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị K, anh Đ trả cho Chị H tổng số tiền hụi của hai lần tham gia trên là 40.000.000 đồng. Qua hòa giải tại Tòa, chị K cho rằng chị H còn nợ chị K 3 tháng hụi chết của một dậy hụi khác mà chị H đã chơi với chị K và đã hốt hụi còn nợ lại 3 tháng hụi chết với vốn là 4.800.000 đồng, chị H đồng ý trừ ra 4.800.000 đồng cho chị K chỉ yêu cầu chị K trả cho chị H số tiền là 35.200.000 đồng. Nay chị K yêu cầu trừ 3 tháng hụi chết là 6.000.000 đồng có lãi thì chị H không đồng ý, chị H yêu cầu trả tiền vốn góp, không có yêu cầu lãi của hụi góp nên phía chị K yêu cầu trừ theo đóng hụi chết có lãi thì chị H không đồng ý, nên nay chị H yêu cầu chị K, anh Đ trả cho chị H số tiền là 40.000.000 đồng. Số tiền hụi chết của chị H nợ thì chị K có quyền khởi kiện chị H.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

Chị có tổ chức chơi hụi, chị làm chủ hụi. Hình thức của dây hụi là từ 1.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, mỗi tháng khui hụi một lần. Hai bên chơi với nhau với hình thức là thỏa thuận bằng lời nói chứ không có ký tên hay lập văn bản nào. Từ trước đến nay chị luôn hoàn thành nghĩa vụ với các hụi viên tuy nhiên do ảnh hưởng

dịch bệnh nên những người đã hớt hụi không đóng lại. Khoảng tháng 9 năm 2021 chị có tuyên bố vỡ hụi và năn nỉ các hội viên cho chị hoàn lại vốn với hình thức trả dần nhưng nay các hụi viên lại khởi kiện yêu cầu trả một lần thì chị không có khả năng vì kinh tế khó khăn còn nuôi cha mẹ chồng già cả ốm đau và con cái học hành.

Chị thừa nhận là có gom tiền hụi của chị H với tổng số tiền là 40.000.000 đồng với hình thức là gom từng tháng như hai dây hụi mà chị H khởi kiện là đúng. Qua hòa giải tại tòa, do chị tính chị H cho chị trả dần số tiền chị còn nợ nên chị mới yêu cầu khấu trừ hụi chết 3 tháng là 4.800.000 đồng không có lãi nhưng nay chị yêu cầu chị H phải trừ 3 tháng hụi chết có lãi là 6.000.000 đồng, nếu nguyên đơn không chịu thì Tòa xét xử. Việc chơi hụi giữa chị và chị H do tự chị đứng ra thu tiền và ghi sổ hụi, chồng chị là anh Đ không biết, không có liên quan và cũng không trực tiếp ghi sổ hụi hay trực tiếp thu tiền của chị H. Vào năm 2018, chị có nộp đơn xin ly hôn với anh Đ đến Tòa án nhân dân huyện B nhưng được gia đình khuyên và vì con nên chị đã rút đơn ly hôn, sau đó thì chị với anh Đ sống ly thân, mặc dù hai người còn sống chung nhà và không có lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung trong hôn nhân, nhưng hai người đã làm ăn kinh tế riêng, tự chi tiêu, không có sự quan tâm, chia sẻ với nhau nên cá nhân chị trả tiền cho chị H với số tiền còn nợ là 40.000.000 đồng, yêu cầu bị đơn trừ lại 6.000.000 đồng tiền 3 tháng hụi chết với hình thức trả dần hàng tháng theo khả năng.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn anh Ngô Văn Đ trình bày:

Anh và chị K về pháp luật còn là vợ chồng nhưng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẩn từ năm 2018 và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018, công việc của anh là làm đập và nuôi sò, thường thì sáng anh đi làm, có khi chiều tối về, có khi vài ngày mới về nhà, mặc dù anh làm trong địa bàn xã B nhưng anh và chị K mạnh ai nấy làm, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau, tình hình kinh tế gia đình, cha mẹ con cái đều là một mình anh, anh không sử dụng chi tiêu gia đình từ tiền hụi của chị K nên tiền nợ hụi của chị K, anh không đồng ý liên đới trả.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện B đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2021/DS – ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B đã tuyên:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị K và anh Ngô Văn Đ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền hụi 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/5/2022 anh Ngô Văn Đ kháng cáo, đơn kháng cáo có nội dung không đồng ý nghĩa vụ liên đới với chị K để trả tiền nợ hụi vì anh không có tham gia chơi hụi và không biết việc chị K làm ăn chơi hụi thế nào.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của anh Đ. Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của anh Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu chị Nguyễn Thị K và anh Ngô Văn Đ liên đới trả cho chị số tiền nợ hụi mà chị K còn thiếu là 40.000.000 đồng. Chị K thừa nhận có chơi hụi với chị H và còn nợ chị Vân số tiền 40.000.000 đồng nên đây là sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, chị K yêu cầu chị H khấu trừ 3 tháng hụi chết có lãi là 6.000.000 đồng của dây hụi khác, chị H không đồng ý. Chị K đưa ra yêu cầu này tại phiên tòa sơ thẩm, sau phiên công khai kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải, bị đơn cũng không có đơn phản tố nên bản án sơ thẩm không xem xét là phù hợp. Dành cho chị K có quyền khởi kiện chị H bằng vụ kiện khác. Phần này của bản án sơ thẩm cũng không bị kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

[2] Xét kháng cáo của anh Ngô Văn Đ về việc không đồng ý nghĩa vụ liên đới trả nợ với chị K:

Chị K trình bày chị là người trực tiếp làm chủ hụi tại nhà trong thời gian dài, mở nhiều dây hụi liên tục và số lượng hụi viên tham gia đông. Anh Đ và chị K vẫn đang sống chung nhà, công việc của anh Đ là làm tại xã B nên chị K và anh Đ cho rằng việc chị K làm chủ hụi thì anh Đ không biết là không có cơ sở. Anh Đ cho rằng anh không có sử dụng tiền hụi nên không đồng ý liên đới trả tiền hụi là không phù hợp bởi lẽ theo bản tự khai đề ngày 27/12/2021, chị K khai chị còn nuôi cha mẹ chồng đã lớn tuổi thường hay bệnh và hai con nhỏ còn đi học nên chị xin trả dần theo kinh tế gia đình. Do đó, chị K chơi hụi cũng nhằm mục đích chi tiêu phục vụ

cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Chị K làm chủ hụi là trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp với anh Đ. Theo kết quả xác minh của Tòa án tại địa phương, chính quyền địa phương xã B cho biết chị K và anh Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B ngày 04/01/2003, chị K làm chủ hụi cách nay khoảng 05 – 06 năm, số lượng người chơi hụi rất đông, ngoài việc chị K làm chủ hụi thì chị K và anh Đ có kinh doanh một cây xăng, anh Đ thì có đất đập và nuôi sò. Trước đây cũng có nghe giữa chị K và anh Đ xảy ra mâu thuẫn và nghe chị K có nộp đơn ly hôn nhưng mâu thuẫn gì thì không rõ, sau đó thì thấy chị K và anh Đ vẫn tiếp tục chung sống với nhau bình thường. Chị K chơi hụi với số lượng lớn và kéo dài nhiều năm, các hụi viên đến nhà chị K để đóng hụi hằng ngày nên anh Đ biết chung sống bình thường như các cặp vợ chồng khác và lo làm ăn, không thể hiện việc có sự riêng tư trong kinh tế gia đình…. Chị K và anh Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh anh chị sống ly thân, cũng như số tiền hụi không được dùng vào sinh hoạt chung của gia đình, hai bên cũng không có lập văn bản thỏa thuận phân chia tài sản chung của vợ chồng trong hôn nhân nên bản án sơ thẩm buộc anh Đ phải có nghĩa vụ liên đới cùng chị K trả nợ là phù hợp theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, do đó kháng cáo của anh Đ là không có cơ sở nên không được chấp nhận, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Ngô Văn Đ.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2022/DS – ST ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện B.

Cụ thể tuyên:

Căn cứ các Điều 357, 468, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị định số 19/2019/NĐ – CP ngày 19/02/2019 của

Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H. Buộc bị đơn chị Nguyễn Thị K và anh Ngô Văn Đ liên đới trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền hụi 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị K và anh Ngô Văn Đ phải nộp án phí số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng).

Hoàn trả cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai số 0003561 ngày 03/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Ngô Văn Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004094 ngày 05/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngọc Hương